

TIÊU CHUẨN NGÀNH

28TCN117:1998

SẢN PHẨM THUỶ SẢN ĐÔNG LẠNH - CÁ BASA PHILÊ

Frozen fishery product - River catfish (*Pangasius bocourti*) fillet

LỜI NÓI ĐẦU :

28 TCN117:1998 'Sản phẩm thuỷ sản đông lạnh - Cá basa phi lê 'do Trung tâm Kiểm tra Chất lượng và Vệ sinh thuỷ sản biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ đề nghị, Bộ Thuỷ sản ban hành theo Quyết định số : 535/1998/QĐ-BTS ngày 10 tháng 9 năm 1998.

1 Đối tượng và phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh cho sản phẩm cá ba sa phi lê đông lạnh.

1.2 Tiêu chuẩn này áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cá ba sa phi lê đông lạnh.

2 Yêu cầu về nguyên liệu

Cá ba sa dùng làm nguyên liệu phải còn sống. Đối với nguyên liệu là cá nuôi, phải khai thác từ các vùng nước nuôi đáp ứng được tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường và quy định về kiểm soát việc sử dụng thuốc kháng sinh, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3 Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Chỉ tiêu cảm quan của sản phẩm phải theo đúng các yêu cầu quy định trong Bảng 1

Bảng 1. Chỉ tiêu cảm quan

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Màu sắc	Đặc trưng của cá ba sa, không có màu lạ. Sản phẩm có màu sắc trắng hơn so với sản phẩm của cá tra, hoặc cá bông lau.
2. Mùi	Đặc trưng của sản phẩm cá ba sa, không có mùi lạ.
3. Vị	Đặc trưng của sản phẩm cá ba sa, không có vị lạ
4. Trạng thái	- Cơ thịt mịn và săn chắc, có tính đàn hồi, vết cắt nhẵn, không sót xương; da, mỡ, phần thịt bụng được xử lý sạch, cho phép tối đa 2 điểm máu hoặc đường gân máu trên thịt. - Băng được mạ đều trên bề mặt sản phẩm.
5. Tạp chất	Không cho phép
6. Khối lượng	Khối lượng tịnh của mỗi đơn vị sản phẩm trên mẫu kiểm sau khi rã đông nhanh để ráo nước, cho phép sai khác 2,5%; song giá trị trung bình của tổng số mẫu kiểm, phải đạt giá trị ghi trên bao bì.

3.2 Chỉ tiêu hoá học của sản phẩm phải theo đúng mức quy định trong Bảng 2

Bảng 2. Chỉ tiêu hoá học

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Hàm lượng tổng số Nitơ bazơ bay hơi, tính bằng số mg trong 100g sản phẩm, không lớn hơn	25
2. Hàm lượng Borat, tính bằng số mg trong 1kg sản phẩm	Không cho phép

3. Dư lượng kháng sinh, tính bằng số mg trong 1kg sản phẩm	Không cho phép
4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, tính bằng số mg trong 1kg sản phẩm	Không cho phép

3.3 Chỉ tiêu vi sinh của sản phẩm phải theo đúng mức quy định trong Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ tiêu vi sinh

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, tính bằng số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm, không lớn hơn	1.000.000
2. Tổng số Coliforms, tính bằng số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm, không lớn hơn	200
3. Staphylococcus aureus, tính bằng số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm, không lớn hơn	100
4. E. coli, tính bằng số khuẩn lạc trong 1g sản phẩm	Không cho phép
5. Salmonella, tính bằng số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	Không cho phép
6. Vibrio cholera, tính bằng số khuẩn lạc trong 25g sản phẩm	Không cho phép

3.4 Ký sinh trùng phát hiện bằng mắt: Không cho phép.

4 Phương pháp thử

4.1 Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo TCVN 5276 - 90.

4.2 Thử chỉ tiêu cảm quan theo phần 3 của TCVN 2068:1993.

4.3 Thử chỉ tiêu hoá học:

- Thử hàm lượng tổng số Nito bazơ bay hơi theo phương pháp của Hiệp hội các nhà hoá học phân tích (AOAC) công bố năm 1990, mục 955.04, trang 17, quyển 1.
- Thử Borat theo phương pháp của AOAC công bố năm 1990, mục 949.03, trang 29, quyển 1.
- Lựa chọn phương pháp phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo TCVN 5142 - 90 (CAC/PR 8 - 1981);

Lấy mẫu xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo TCVN 5139 - 90.

- Xác định dư lượng thuốc kháng sinh theo phương pháp của AOAC công bố năm 1990; phần 23, trang 625, quyển 1

4.4 Thử chỉ tiêu vi sinh theo TCVN 5287:1994

Riêng E. coli và Vibrio cholera thử theo phương pháp của AOAC công bố năm 1990

- Thử E. coli theo mục 983.25, trang 437, quyển 1
- Thử Vibrio cholera theo mục 988.20, trang 492, quyển 1

4.5 Kiểm tra ký sinh trùng bằng mắt theo qui định trong Quyết định 93/140/EEC ngày 19 tháng 1 năm 1993 của Uỷ ban Liên minh Châu Âu.

5 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

5.1 Bao gói và ghi nhãn theo TCVN 2643-88; TCVN 5512-1991; TCVN 5653-1992 và Quyết định số 23 TCĐ/QĐ ngày 20 tháng 2 năm 1995 của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng quy định về bao gói, ghi nhãn sản phẩm hàng hoá.

5.2 Vận chuyển và bảo quản theo TCVN 4378:1996.